Biểu số: 04

GIÁ ĐẤT Ở
HUYỆN Ý YÊN

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
1	**TT.LÂM**			
	Đường 485 (Đường 57A cũ)			
	Giáp Yên Hồng - Giáp Cụm Công nghiệp	5,000	2,500	1,250
	Giáp Cụm Công nghiệp - cầu cơ khí	6,000	3,000	1,500
	Bắc cầu cơ khí - hết đất ông Quyền	7,000	3,500	1,800
	Từ giáp đất ông Quyền - giáp đất Y.Khánh	5,000	2,500	1,250
	Đường 486 (đường 12 cũ)			
	Từ trạm thuế - giáp trạm bơm Y.Khánh	3,000	1,500	750
	Từ đất ông Phương - giáp đất Y.Khánh	3,500	1,750	850
	Đường bờ sông S40			
	Từ giáp Y.Tiến - hết thôn Tân Ninh	3,000	1,500	750
	Từ giáp thôn Tân Ninh - hết cầu Cơ khí cũ	4,000	2,000	1,000
	Từ giáp cầu Cơ khí đến hết cầu Bản số 1(Phố cháy)	4,500	2,300	1,200
	Đường WB2			
	Từ cầu Vòm đến Yên xá	4,000	2,000	1,000
	Từ cầu cơ khí - Yên Ninh	2,300	1,200	600
	Từ Khu A đến hết khu C	2,500	1,300	650
	Khu D	1,500	750	380
	Khu dân cư còn lại			
	Khu đất của xí nghiệp xây dựng công trình cũ (tổ 8 khu e)	2,500	1,250	
	Khu liên cơ	2,000		
	Khu tập thể dược	2,000		
	Khu Tân Lâm (Từ cầu bệnh viện đến giáp Yên Xá)	3,000	1,500	
	Khu vực 1: Tổ dân phố số 10	2,000	1,000	500
	Khu vực 2: Tổ 1, 2, 8	1,500	750	380
	Khu vực 3: Tổ 3, 4, 5, 6, 7	1,000	500	250
2	**YÊN THÀNH**			
	Đường 485 (Đường 57A cũ)			
	Từ giáp Y.Thọ - hết đất Y.Thành	1,000	500	
	Đường trục xã			
	Từ đường 57 - giáp đình Hộ	400	280	
	Từ UBND xã - Quán Tràm	500	300	
	Từ trạm Y tế - giáp cống Đá	400	280	
	Các khu vực còn lại			
	Các thôn trong xã	300	250	
3	**YÊN THỌ**			
	Đường 487 (Đường 57A cũ)			
	Từ giáp đất Y.Phương - hết đất Y.Thọ	1,000	500	250
	Đường trục xã			
	Từ hàng đầu Cá - ao Cổ chày	500	300	250
	Từ ao cổ chày - Rốc cống	400	280	250
	Từ ao cổ chày - Trạm bơm Đại Vượng	500	300	250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: thôn Thanh Bình, Bình Thượng, Bình Hạ	300	250	
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	250		
4	**YÊN NGHĨA**			
	Đường bờ sông			

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Từ giáp Yên Phương - đến giáp đất Y.Trung	800	400	
	Đường trục xã			
	Từ ngã ba chợ ải - đến hết UBND xã	800	400	
	Từ UBND xã - đến hết đất Xí nghiệp gạch tuynel	600	300	
	Khu vực dân cư còn lại			
	Thôn Thanh Khê, Ngọc Chuế, An Liêu, Đô Phan, Cổ Liêu ThônTrung Cầu, Nha Cầu, Nhân Nghĩa	300	250	
5	**YÊN TRUNG**			
	Đường trục xã (đường bờ sông)			
	Đường bờ sông từ giáp đất Y.Nghĩa - lên cầu xã (do giáp Đ.cao tốc nên không còn v.trí 2,3)	800		
	Từ KT24 - cầu xã	600		
	Đường đê Tam Tổng từ cầu xã đi Yên Thành	400		
	Đường bờ sông từ cầu xã lên trường THCS	400		
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: K.vực tiểu học A, bờ sông tây thôn Trung, bờ sông Thôn Hoàng Giang, bờ đông sông cầu Trung	300		
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	250		
6	**YÊN PHƯƠNG**			
	Đường 485 (Đường 57A cũ)			
	Từ cầu Bo đến cống đồng Tróc	2,300	1,200	600
	Từ cống đồng Tróc đến Ngã ba Phủ Cầu	2,000	1,000	500
	Từ giáp đất ông Vinh - đến hết đường Công Vụ	1,800	900	450
	Từ đường Công Vụ đến giáp đất Yên Thọ	1,000	500	250
	Đường bờ sông			
	Từ đất ông Thâu - đến hết đất ông Hiển	1,000	500	
	Từ đất ông Hiển - đến giáp đất Yên Nghĩa	800	400	
	Từ ngã 3 Phù Cầu - âu Cổ Đam (đường nhánh của đường 57)	900	450	
	Đường trục xã			
	Từ Đ57A đi Quang Điểm - đến giáp đê Đáy	400	280	
	Đê Đại Hà			
	Đường đê đáy từ Cổ Phương - đến giáp dốc Thái Hoà	400	280	
	Đường đê đáy từ dốc Thái Hoà-đến giáp Y.Thọ	500	300	
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: Thôn Mỹ Lộc, Phù Cầu	300	250	
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	250		
7	**YÊN CHÍNH**			
	Đường 485 (Đường 57A cũ)			
	Trường Nghề Y.Bình - Cầu chợ Già	1,800	900	450
	Cầu chợ Già - hết nghĩa trang liệt sỹ	2,000	1,000	500
	Từ nghĩa trang liệt sỹ - cầu Bo	2,300	1,200	600
	Đường liên xã			
	Từ ngã ba Đại Lộc - trường tiểu học B	650	350	250
	Từ trường tiểu học B đến giáp Yên Phú	450	300	250
	Từ ông Tĩnh đội 14 đi Mai Độ (Yên Tân)	450	300	250
	Từ UBND xã đị xóm Thành Công	400	280	250
	Từ chợ Già đi Mai Độ (Yên Tân)	450	300	250
	Từ cầu Bo - trại cá giống Ý Yên	900	450	250
	Khu vực đường vào trường THCS	1,900	950	500
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: Khu tái định cư cao tốc	1,000	500	
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	250		
8	**YÊN HƯNG**			

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Đê Đại Hà: Từ Yên Phú đến Yên Phong	500	300	
	Đường WB2			
	Từ UBND xã - giáp đất Y.Phong	650	350	
	Từ UBND xã - Dốc đê Trung Tiến	650	350	
	Đường Liên Thôn			
	Từ đường WB2 Đa Bụt đến hết Xóm 1	500	300	
	Từ ông Mạnh xóm 4 đến đê Đại Hà			
	Từ ông Mạnh xóm 4 đến ngã tư Hội đồng	500	300	
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: Thôn Hoàng Đan, Lam Sơn, Trung Tiến	350	250	
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	300	250	
9	**YÊN PHÚ**			
	Đê đại hà : Từ Yên Phương đến Yên Hưng	500	300	
	Đường WB2			
	Từ cầu trại Giáo - đến hết dân cư T. Quyết Thắng	400		
	Từ giáp dân cư T. Quyết Thắng- đến dốc đập đê Đáy	300		
	Từ cầu trại Giáo đến Đại Lộc Y.Chính	300		
	Đường liên thôn			
	Từ đội 4 Tân Quang - hết Đội 5 T.Quang	250		
	Từ ngã tư đội 4 đi qua đội 7 - đến hết đội 8	250		
	Đội 8 - đến hết Đội 9	250		
	Khu vực dân cư còn lại			
	Từ xóm 1 đến xóm 15	250		
10	**YÊN TÂN**			
	Đường tỉnh lộ 484 (Đường 64)			
	Từ giáp đất Y.Lợi đến hết đất Y.Tân	1,200	600	300
	Đường trục xã			
	Từ ngã ba đường 64 - nghĩa trang liệt sĩ	600	300	250
	Từ nghĩa trang liệt sĩ -đến đường vào thôn Nguyệt Hạ	500	300	250
	Từ đường vào thôn Nguyệt Hạ-đến cầu Mai Thanh	600	300	250
	Từ cầu Mai Thanh - ngã ba thôn Mai Độ	600	300	250
	Đường WB2 từ cầu Mai Độ - đến giáp đất Y.Bình	500	400	250
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: Thôn Nguyệt Thượng, Mai Thanh	300	250	
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	250		
11	**YÊN LỢI**			
	Đường tỉnh lộ 484 (Đường 64)			
	Từ nghĩa trang liệt sĩ - đến giáp đất Y.Tân	1,200	600	300
	Từ nghĩa trang liệt sĩ -đến đường máng WB2 đi Y.Tân	1,150	550	300
	Từ đường máng WB2 đi Y.Tân-đến giáp đất Y.Bình	1,000	500	250
	Đường WB2			
	Đường WB2 từ thôn Nam Sơn - đến hết thôn Long Chương	350	300	250
	Đường trục xã			
	Khu vực Chầm Dựng	450	300	250
	Từ Cầu Đồng Quan- đến hết thôn Bình Điền	300	250	
	Khu vực dân cư còn lại			
	Các thôn còn lại	250		
12	**YÊN BÌNH**			
	Đường tỉnh lộ 486 (Đường 12 cũ)			
	Từ giáp đất Y.Dương- đến đường vào làng Tăng	1,400	700	350

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Từ đường vào làng Tâng- đến giáp đất Y.Xá	1,500	750	380
	Đường 484 (đường 64 cũ)			
	Từ ngã ba Vàng - hết thôn An Cừ Thượng	1,200	600	300
	Từ thôn An Cừ Thượng-đến giáp cầu Kênh Bắc Y.Lợi	900	450	250
	Đường trục xã			
	Từ cầu An Cừ - gốc đa An Tố	500	300	250
	Đường 485 (Đường 57Acũ)			
	Từ giáp đất Y.Khánh - đến hết trường dạy nghề	1,500	750	380
	Từ giáp trường dạy nghề - giáp đất Y.Chính	1,800	900	450
	Đường WB2			
	Từ giáp đất Y.Tân - gốc đa AnTố	600	300	250
	Từ gốc đa An Tố - giáp đất Y.Khánh	400	280	250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: An Cừ Trung, An Cừ Hạ, An Cừ Thượng	350	250	
	Khu vực 2: An Thị	300	250	
	Khu vực 3: Các thôn còn lại	250		
13	**YÊN MINH**			
	Đường tỉnh lộ 486 (Đường 12 cũ)			
	Đoạn từ giáp Yên Mỹ đến Yên Dương	2,000	1,000	500
	Đường trục xã			
	Đường trục xã từ Mụa đến Sông Sắt	700	350	250
	Từ đường WB2 (từ UBND xã đi Yên Lợi	600		
	Khu vực dân cư còn lại			
	Thôn Ba Trung, Ba Thượng, Quan Thiều, Giáp Nhì, Giáp Nhất, Nội Hoàng, Xưa, Lương, Đồng Bất	350	250	
14	**YÊN MỸ**			
	Đường tỉnh lộ 486 (Đường 12 cũ)			
	Từ giáp Vụ Bản - đến giáp Y.Minh	2,000	1,000	500
	Đường trục xã			
	Từ đường 12 - đông đê xóm Cỗu	900	450	250
	Đường hữu Thượng - Giáp Yên Ninh	800	400	250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: Thôn Thiện Mỹ	400	250	
	Khu vực 2: Các xóm còn lại	250		
15	**YÊN DƯƠNG**			
	Đường tỉnh lộ 486 (Đường 12 cũ)			
	Từ giáp Y.Minh - đến qua chợ Mụa 1km	2,500	1,300	650
	Từ qua chợ Mụa 1km - giáp đất Y.Bình	1,400	700	350
	Đường trục xã			
	Từ Y.Xá - đến hết trạm Y tế	1,400	700	350
	Trạm Y tế - ngã tư đường 12	1,000	500	250
	Cầu Dương - cầu Tâng	600	300	250
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: Thôn Dương, Trung, Vũ Xuyên	550	300	250
	Khu vực 2: Khả Lang, thôn Cẩm	500	250	
	Khu vực 3: Các thôn còn lại	300	250	
16	**YÊN KHÁNH**			
	Đường tỉnh lộ 486 (Đường 12 cũ)			
	Giáp đất Y.Xá - đến giáp đất TT.Lâm	2,500	1,250	650
	Từ giáp đất TT.Lâm - cầu Đông Hưng An Lạc	2,000	1,000	500
	Từ cầu Đông hưng An Lạc - giáp đất Y.Phong	1,800	900	450

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Đường tỉnh lộ 485 (đường 57A cũ)			
	Giáp đất TT.Lâm - đường vào thôn Tiền (cửa nhà ông Hùng)	3,000	1,500	750
	Từ cửa nhà ông Hùng (thôn Tiền) đến giáp đất Yên Chính	2,800	1,400	700
	Đường 57 cũ từ giáp đoạn cải tuyến đến đầu thôn Xuất Cốc hậu (đường 57 cải tuyến)	1,000	500	250
	Đường trục xã			
	Từ ngõ bê tông thôn 5 đến Yên Phong (đường 12 cũ)	900	450	
	Từ giáp Đ12 vào thôn Từ Liêm - THCS - cầu Thượng - Cống Đá hạ	600	300	
	Từ đường 57A - giáp đất Y.Bình	600	300	
	Từ ngã ba phía nam giáp nhà ông Hùng (thôn Tiền) đến giáp trường THCS	650	350	
	Từ Tu Cổ trại - đến cửa nhà ông Thành	350	300	
	Tuyến đường kênh Tây thượng - giáp đường 486	500	300	
	Từ ngã tư thôn Thị - giáp đất Y.Phú	350	300	
	Khu vực cửa ông Mưng (thôn Đông Hưng)	600	300	
	Đoạn ngã tư cột cờ đến đầu thôn Bến	500	300	
	Đoạn từ đầu thôn 3 Tú Cổ đến giáp đường 57A cũ	600	300	
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: Dưỡng Chính, Xuất Cốc hậu, An Liêm, Thôn Thị, Xuất Cốc Tiền	300	250	
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	250		
17	**YÊN PHONG**			
	Đường tỉnh lộ 486 (Đường 12 cũ)			
	Từ giáp Y.Khánh đến giáp hộ ông Việt	1,500	750	
	Từ hộ ông Việt - đường vào thôn Ninh Thôn	1,800	900	450
	Từ đường vào thôn Ninh thôn - hết Bến mới	1,700	850	420
	Đường WB2			
	Đường WB2 từ đường 12 đến giáp đất Y.Hưng	600	300	
	Trục đường liên thôn			
	Từ Ba khu - đến Cầu Đen	500	300	250
	Từ cầu Ô.Phi - đến cầu Quỹ Độ	500	300	250
	Từ Đinh Khu đến hết thôn Nội Thôn	500	300	250
	Từ cầu Quỹ Độ đến cống Quỹ Độ	450	280	250
	Đường bờ sông từ cầu ba khu đến trường tiểu học	450	280	250
	Đường ven Đê			
	Từ giáp Yên Hưng đến Yên Quang	500	300	
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: Hưng Xá, An Bái, Ninh Thôn	400	250	
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	350	250	
18	**YÊN XÁ**			
	Đường tỉnh lộ 486 (Đường 12 cũ)			
	Từ giáp đất Y.Khánh - đến hết đất Y.Xá	2,500	1,300	650
	Đường trục xã			
	Từ ông Thường đến ngã ba Đình Đất	2,000	1,000	500
	Từ ngã ba Đình Đất - giáp đất Y.Dương	1,600	800	400
	Từ trường dân lập - chùa Khám	1,500	750	380
	Từ ông Thống - Bưu điện văn hoá xã	1,800	900	450
	Từ Bưu điện văn hoá xã - bờ hồ Tống Xá	2,300	1,200	600
	Từ bờ hồ Tống Xá -đến giáp KCN2 (Khu cửa Hà)	3,000	1,500	750
	Từ cổng Ô.Nhưỡng - cầu Tống Xá	2,200	1,100	550
	Từ đình Thánh tổ đến hết đất ông Ngư	1,400	700	350
	Từ cổng ông Nhưỡng đến tới chùa Tống	2,400	1,200	600
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: thôn Tống Xá	650	350	250

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Khu vực 2: thôn Cổ Liêu	400	250	
19	**YÊN HỒNG**			
	Đường quốc lộ 10:			
	Từ giáp Yên Quang- giáp Yên Tiến	3,500	1,800	900
	Đường 485 (đường 57A cũ)			
	Từ giáp Thị trấn Lâm - giáp Y.Tiến	3,000	1,500	750
	Đường trục xã			
	Từ thôn Đằng Động- giáp đường 57A	660	350	250
	Từ An Lộc Thượng đến đầu Hoàng Nê	600	300	250
	Từ Hoàng Nê đến Cao Bồ	660	350	250
	Từ An Lộc Hạ đến trạm y tế xã	550	300	250
	Từ trạm y tế đến bưu điện văn hóa xã	660	350	250
	Từ Hoàng Nghị - giáp đường 57A	550	300	250
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: thôn Hoàng Nê, Hoàng Nghị, An Lộc Hạ	400	250	
	Khu vực 2: thôn An Lộc Trung, Cao Bồ	300	250	
	Khu vực 3: các vị trí còn lại	250		
20	**YÊN QUANG**			
	Đường quốc lộ 10:			
	Từ giáp Yên Bằng- ngã ba vào Y.Quang	3,500	2,000	1,000
	Đê Đại Hà			
	Từ giáp Yên Bằng đến cống Phong Doanh	700	350	
	Từ cống Phong Doanh đến Yên Phong	600	300	
	Đường liên xã			
	Từ đường10 - giáp cầu Trượt	1,000	500	250
	Từ cầu Gạch - Đình Hát thôn 6	700	350	250
	Từ kho đội 6 thôn 7B - giáp Kênh T22	1,000	500	250
	Từ trường tiểu học - hết thôn 2	800	400	250
	Thôn 2 - hết Xóm Cầu T1	600	300	250
	Từ Cầu T3 - hết Chợ Đăng Mới	500	300	250
	Từ giáp chợ Đăng - giáp đền Gỗ Rã	300	250	
	Từ trạm bơm Yên Quang đến giáp xóm Dinh Tần Yên Bằng	600	300	
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: Trại 1, 2, 7A,7B	350	250	
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	250		
21	**YÊN BẰNG**			
	Đường quốc lộ 10:			
	Từ cầu Non Nước- đến đường lò thôn Nhì	4,000	2,000	1,000
	Từ đường lò thôn Nhì -đến giáp đất Y.Quang	3,500	1,750	900
	Đường trục xã			
	Từ đường sắt - đến hết thôn Đoài Cầu Cổ	700	350	250
	Từ thôn Đoài Cầu Cổ đến hết thôn Lục	550	350	250
	Khu vực chợ Ngò đến cầu Đá	800	400	250
	Từ chợ Ngò -đến giáp đê Đáy thôn Trung Đồng	600	350	250
	Từ đầu cầu Ninh Bình cũ-đến hết thôn Ninh Mật (đê Tả Đáy)	400	280	250
	Từ đầu cầu Ninh Bình cũ-đến giáp đất Y.Quang (đê Tả Đáy)	700	350	250
	Từ cââu đường Sắt đến giáp đất nhà ông Trung (Quốc lộ 10)	1,500	750	
	Khu vực dân cư còn lại			
	Thôn Dinh Tần	400	300	250
	Khu vực 1: thôn Nhất, thôn Nhì, thôn Đoài, thôn Hưng Thịnh	350	250	
	Khu vực 2: các thôn còn lại	300	250	
22	**YÊN KHANG**			
	Đường 57C			

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Từ Cống Mỹ Tho -hết Chợ Y.Khang	600	300	250
	Từ Chợ Y.Khang -hết dốc Ô.Tân	550	300	250
	Từ dốc Ô.Tân - hết làng An Châu	500	300	250
	Từ giáp làng An Châu - Y.Tiến	800	400	250
	Đê Đại Hà			
	Từ Yên Bằng đến cống Mỹ Tho	500		
	Đường liên xã			
	Từ cống Cầm - giáp đất Y.Bằng	550	300	250
	Đường liên thôn			
	Từ dốc Ô. Tân - Quảng Nạp	400	280	250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: Thôn An Châu, Đồng Cách, Đông Anh, Mễ Thượng, Mễ Hạ, Am Bình, Trung Hưng	400	300	250
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	300	250	
23	**YÊN TIẾN**			
	Quốc lộ 10			
	Từ giáp đất Y.Hồng - đến giáp đất Y.Ninh	4,000	2,000	1,000
	Đường 485 (Đường 57A cũ)			
	Từ ngã ba Cát Đằng - giáp đất Yên Hồng	4,000	2,000	1,000
	Đường 57B			
	Từ ngã ba đường 10 - bốt điện Cát Đằng	2,000	1,000	500
	Từ bốt điện Cát Đằng - hết xóm Hùng Vương	1,500	800	400
	Từ xóm Đông Thịnh - giáp Yên Thắng	1,200	600	300
	Đường 57C			
	Từ ngã ba đường 10 - hết xóm Trung thôn	1,500	600	300
	Từ xóm Trung thôn - đến giáp khu dân cư thôn Thượng Đồng	1,000	500	250
	Từ khu dân cư thôn Thượng Đồng - giáp đất Y.Khang	800	400	250
	Bờ kênh S40			
	Từ ngã ba Cát Đằng - đến giáp đất TT.Lâm	1,000	500	250
	Từ ngã ba Cát Đằng - đến giáp đất Y.Ninh	800	400	250
	Bờ kênh S48			
	Từ ngã ba Cát Đằng - đến hết thôn Trung Thôn	800	400	
	Từ giáp thôn Trung Thôn đến giáp đất Yên Hồng	800	400	
	Ngã ba đường 10 - đến giáp đất Y.Khang	800	400	250
	Đường liên thôn			
	Từ ngã ba Đ57B - đến hết thôn Đông Thịnh	600	350	250
	Từ giáp đường sắt -đến hết thôn Tân Cầu	700	350	250
	Từ thôn Đằng Chương -đến thôn Tân Cầu	700	350	250
	Từ giáp đường 57C - đến hết thôn Đông Hưng	500	300	250
	Từ thôn Bắc Sơn -đến hết thôn Cộng Hoà	500	300	250
	Từ đường 57C - đến hết thôn Hoa Lư	500	300	250
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: Cát Đằng, Trung thôn, Thượng thôn, Hùng Vương	400	250	
	Khu vực 2: Thượng Đồng	350	250	
	Khu vực 3: Các thôn còn lại	300	250	
24	**YÊN NINH**			
	Quốc lộ 10 Từ giáp Y.Tiến- hết đất Y.Ninh	3,500	1,750	900
	Đường bờ sông S40 từ giáp đất Y.Tiến - đến hết đất Y.Ninh	1,000	500	
	Đường liên xã			
	Từ giáp TT.Lâm - hết thôn Lũ Phong	600	400	250
	Từ Lũ Phong - hết đất Ninh Xá thượng	550	300	250
	Từ đường tàu - hết câu lạc bộ La Xuyên	1,200	600	250

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Từ câu lạc bộ La Xuyên - giáp Sông Sắt	900	450	250
	Đường 10 theo sông Sắt - đến giáp đất Y.Mỹ	600	300	250
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: La Xuyên	700	350	250
	Khu vực 2: Ninh Xá	500	300	250
	Khu vực 3: Lũ phong, Trịnh Xá	400	250	
25	**YÊN LƯƠNG**			
	Đường tỉnh lộ 482 (đường 56 cũ)	1,000	650	
	Đông máng N12			
	Từ Doanh Nghiệp Hiền Oanh đến Sông Tiền Tử	650	350	
	Từ sông Tiền Tử - giáp xã Yên Cường	600	300	
	Đường trục xã			
	Từ giáp Vụ Bản đến hết Bưu Điện văn hoá xã	400	280	
	Từ giáp Bưu Điện văn hoá xã - giáp đất Y.Thắng	450	300	
	Từ Ao cựu chiến binh thôn Tân Phú- đến nhà máy gạch Hà Minh Lương	500	300	
	Từ nhà máy gạch Hà Minh Lương - ao ông Lượng	450	280	
	Từ Ao ông Lượng đến Ao ông Hùng	450	280	
	Từ Ao ông Hùng đến trạm bơm Hoàng Mộu	500	300	
	Từ ngã ba đường 56 thôn Thụy Nội - đến Bưu điện VH xã	300	250	
	Khu vực Ao Khen thôn Tân Phú	400	280	
	Từ ao Khen thôn Tân Phú đến trạm bơm Quảng Thượng	300	250	
	Từ Ngã ba ông Lịch đường Ba Sát đến ngã ba bến đò	300	250	
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: thôn Hoàng Mẫu, Thụy Nội, Tây Vinh, Tân Phú	300		
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	250		
26	**YÊN CƯỜNG**			
	Đường tỉnh lộ 482 (đường 56 cũ)			
	Từ giáp Y.Lương- giáp Y.Nhân	1,500	750	
	Đường 57B			
	Từ giáp Y.Thắng- hết Tiểu học Y.Cường	1,500	750	
	Từ Tiểu học Y.Cường - đến ngã 3 Tống Xá	1,000	500	
	Từ ngã 3 Tống Xá - ngã 4 Mậu lực	800	400	
	Từ ngã tư Mậu Lực - giáp Y.Lộc	600	350	
	Đông máng N12			
	Từ Trực Mỹ đến Ánh Hồng	700	350	
	Đường WB2			
	Ngã ba Tống Xá- hết Ngã tư Cời	600	350	
	Ngã tư Cời - giáp Y. Nhân	500	300	
	Đường trục xã			
	Từ UBND xã - Giáp Đọ Xá	900	450	
	Từ Đọ Xá - Giáp Trực Mỹ	700	350	
	Đường liên thôn			
	Từ Nhân Lý đến giáp Đông Hậu	450	280	
	Từ giáp Đông Hậu đến giáp Yên Nhân	300	250	
	Ngã ba Đình Đá đến giáp đường 56	450	280	
	Ngã ba Đông Hậu đến hết Xóm Nguốn	450	280	
	Từ Trực Mỹ đến giáp đường 56	450	280	
	Từ giáp Xóm Cời đến hết Đông Tiền	350	250	
	Khu vực dân cư			
	Khu vực 1: , Trung Lang, Lý Nhân, Tống Xá, Mậu Lực, Trực Mỹ, Thức Vụ, Xóm Cời, 14 xóm Nguốn	350	250	

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Khu vực 2: Các thôn còn lại	250		
27	**YÊN THẮNG**			
	Đường 57B			
	Từ cầu Đen - đến đường vào thôn Đồng Quang	1,200	600	300
	Từ đường vào thôn Đồng Quang -đến giáp đất Phúc Chỉ	2,000	1,000	500
	Từ thôn Phúc Chỉ - đến giáp đất Y.Cường	1,500	750	380
	Trục đường xã			
	Từ Phù Lưu - đến đường vào thôn Thái Hoà	1,400	700	350
	Từ đường vào thôn Thái Hoà - đến giáp đất Yên Đồng	1,200	600	300
	Từ giáp đất Phù Lưu đến giáp đất Phúc Lộc	2,000	1,000	500
	Từ Phúc Lộc đến giáp xã Yên Lương	1,000	500	250
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: Phúc Lộc, Phúc Chỉ, Phù Lưu, xóm Hạ, Hậu, Trại Đường	400	250	
	Khu vực 2: Các xóm còn lại	300	250	
28	**YÊN ĐỒNG**			
	Đường trục xã Từ giáp Y.Thắng- đê Đại Hà			
	Từ nhà Ô. Vượng xóm 1- Hết nhà Ô.Đan Côc Dương	1,300	650	
	Từ nhà Ô.Đan Cốc Dương - Hết Trụ sở UBND xã	1,600	800	
	Trụ sở UBND xã - Hết nhà Ô.Rôm thôn Tiến Thắng	1,700	850	
	Từ nhà Ô.Rôm - Hết nhà Ô.Thát. T.Thắng	2,000	1,000	
	Từ nhà Ô.Thát Tiến Thắng - Giáp đê Đại Hà	1,800	900	
	Khu vực dân cư còn lại			
	Khu vực 1: Thôn Tiến Thắng, Trục đê Đại Hà, Can Điền, cửa xóm 17	700	350	
	Khu vực 2: Thôn Nam Đồng, xóm 34, Cửa xóm 02, Cửa làng La Ngạn, Đại An, cửa làng Cốc Dương(xóm 13,15), Cửa làng Tràn (Khang Giang)	450	250	
	Khu vực 3: Khu vực còn lại của thôn Khang Giang, An Trung, La Ngạn, Đại An, Bãi bồi ven sông Đáy và sông Sắt	350	250	
29	**YÊN TRỊ**			
	Tuyến đê Đại Hà			
	Từ giáp Y.Đồng - hết thôn Vĩnh Trị	650	350	250
	Từ thôn Vĩnh Trị - hết C.ty Vĩnh Tiến	800	400	250
	Từ C.ty Vĩnh Tiến -giáp Cống Gon 1 (giáp xã Yên Đồng)	500	300	250
	Đường Trục xã			
	Từ thôn Vĩnh Trị -giáp Sông Chìm	650	350	250
	Từ sông Chìm - giáp máng N17	450	280	250
	Từ Trường THCS - Bưu điện văn hoá xã	650	350	250
	Đường WB2			
	Từ cống Gon 1 - cây Đa chín rễ	450	280	250
	Từ cây đa chín Rễ đến cống Thông	450	280	250
	Tuyến đê Bối			
	Từ cống Gon 2 đến cống Thông	250		
	Từ cống đò Thông đến hết Trại Chấn	250		
	Từ nhà thờ xóm tây Vĩnh đến làng Ngọc Chấn	450	250	
	Đường liên thôn			
	Từ đường WB2 đến làng Chấn	350	250	
	Từ xóm trong qua xóm Giáo	300	250	
	Khu vực còn lại			
	Khu vực 1: Thôn Vĩnh Trị	300	250	
	Khu vực 2: Xóm Giáo, xóm Giữa	300	250	
	Khu vực 3: Các thôn còn lại	250		
30	**YÊN NHÂN**			

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Đường tỉnh lộ 482 (Đường 56 cũ)			
	Từ giáp đất Y.Cường - hết trạm xăng	1,500	750	
	Từ trạm xăng - đò Đống Cao	1,700	850	
	Từ máng N12: Từ Yên Cường đến trạm xăng	1,700		
	Đường WB2			
	Từ giáp đất Y.Đồng - ngã ba đường 487 (đường 56 cũ)	1,000	500	250
	Đường trục xã			
	Từ Cửa làng Khánh hòa- ngã ba đường WB3 đi Y.Cường	800	400	250
	Từ ngã ba đường WB3 đi Y.Cường - giáp đất Y.Cường	700	350	250
	Đường đê Đại Hà từ xóm 3 đến xóm 14 đi Yên Lộc			
	Đường cửa làng xóm 1 - đến xóm 15	700	350	250
	Các khu vực còn lại			
	Khu vực 1: xóm 10,11,12,13,14	400	250	
	Khu vực 2: xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 15	350	250	
31	**YÊN PHÚC**			
	Đường trục xã			
	Đoạn từ giáp Y.Lộc - đến hết ngã ba Đoài	300		
	Đường thôn			
	Bờ đê ngã ba Đoài -đến dốc xóm Cầu	300		
	Từ đê cống Điềng -đến hết cống Chanh	250		
	Từ cống Chanh - đến hết dốc Roan	400		
	Từ gốc Roan - đến hết dốc Thầu Dầu (Vụ bản)	300		
	Từ gốc Roan - đến quán Khởi (Vụ Bản)	250		
	Khu vực dân cư còn lại			
	Các xóm còn lại	250		
32	**YÊN LỘC**			
	Đường trục xã			
	Từ giáp đất Y.Cường - đầu chợ Vò mới	500	300	250
	Đoạn từ đầu chợ Vò mới -hết nhà Ô.Rịnh	500	300	250
	Đoạn từ nhà Ô.Rịnh -đến giáp đất Yên Phúc	500	300	250
	Từ ngã tư Vò - Đống Cao	400	280	250
	Đê Đại Hà			
	Từ giáp đất Y.Nhân- đến hết thôn Hòa Bình	500	300	250
	Từ thôn Hoà Bình- đến hết thôn Tân Thành	400	280	250
	Từ thôn Tân Thành-đến giáp đất Y.Phúc	300	250	
	Khu vực dân cư còn lại			
	Các thôn còn lại	250		